

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015 TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HAI CẤP TỈNH VĨNH LONG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

CURRENT APPLICATION OF THE CIVIL PROCEDURE LAW 2015 IN PROCURACY OPERATION FOR TRIAL COURT TO COMMERCIAL BUSINESS CASES IN THE PEOPLE'S PROCURACY IN VINH LONG PROVINCE AND RECOMMENDATIONS

Nguyễn Kim Hồng¹, Nguyễn Nam Hà²

Tóm tắt – Bài báo nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong hoạt động kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án kinh doanh, thương mại tại Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra kiến nghị cụ thể nhằm góp phần hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án kinh doanh, thương mại của Viện Kiểm sát Nhân dân, cụ thể: 1) Quy định về kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện; 2) Quy định về kiểm sát việc thụ lý vụ án kinh doanh, thương mại; 3) Quy định về kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh, thương mại; 4) Quy định về kiểm sát xét xử sơ thẩm tại phiên tòa; 5) Quy định về công tác kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án; 6) Quy định về quyền kháng nghị của Viện Kiểm sát.

Từ khóa: Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, kiểm sát xét xử sơ thẩm, án kinh doanh, thương mại.

Abstract – This study focuses on analyzing and evaluating current application of the provisions of The Civil Procedure Code 2015 in

¹Học viên Cao học Khoa Kinh tế, Luật - Trường Đại học Trà Vinh

Email: kimhongp8@gmail.com

²Khoa Luật, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 27/9/2017; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 09/01/2018; Ngày chấp nhận đăng: 26/01/2018

procuracy operation for court of first instance to commercial business cases in The People's Procuracy in Vinh Long Province. On that basis, we proposed specific recommendations to contributing to the completion of the provisions of the Civil Procedure Code 2015 on procuracy for trial court to business cases, including: 1) Provisions on the return of the petition; 2) Provisions on handling business cases; 3) Provisions on preparatory work for first-instance court of commercial business cases; 4) Provisions on first instance court; 5) Provisions on the judgments and decisions of the Court; 6) Provisions on the right of protest of the Procuracy.

Keywords: The Civil Procedure Code 2015, procuracy of first instance the trial, commercial business cases.

I. GIỚI THIỆU

Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015) đã thể chế hóa chiến lược cải cách tư pháp³, đổi mới thủ tục tố tụng dân sự theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, tháo gỡ những vướng mắc trong hoạt động giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại tại Tòa án Nhân dân (TAND). Theo quy định của BLTTDS

³Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

2015, Viện Kiểm sát Nhân dân (VKSND) có vị trí đặc biệt quan trọng. Vai trò đó thể hiện ở chỗ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại kịp thời, đúng pháp luật. Sau hai năm thi hành BLTTDS 2015, trên thực tế, công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh, thương mại còn gặp phải một số khó khăn do các quy định của BLTTDS 2015 chưa hoàn toàn phù hợp với thực tiễn. Do đó, các quy định của BLTTDS 2015 về công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án kinh doanh, thương mại của VKSND cần tiếp tục được xem xét, cân nhắc, sửa đổi, bổ sung. Thông qua thực tiễn hoạt động kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án kinh doanh, thương mại của VKSND hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long, bài viết phân tích những quy định của BLTTDS 2015 chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu công tác kiểm sát của VKSND, từ đó, chúng tôi đưa ra quan điểm, kiến nghị đối với các cơ quan lập pháp trong quá trình hoàn thiện quy định của BLTTDS 2015 và ban hành nghị quyết hướng dẫn thi hành BLTTDS 2015 về công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh, thương mại của VKSND.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong tố tụng dân sự, năm 2014, tác giả Phùng Thanh Hà [1] đã có công trình phân tích tổng thể các quy định của BLTTDS năm 2004 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2011 về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nghiên cứu này được thực hiện trước khi BLTTDS 2015 được ban hành. Trước đó, năm 2012, tác giả Trần Văn Nam [2] có công trình nghiên cứu về vai trò của VKSND trong tố tụng dân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam, công trình này cũng không đi sâu phân tích việc áp dụng trong thực tế các quy định của BLTTDS 2004 về công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm của VKSND. Năm 2017, tác giả Nguyễn Thị Hồng Oanh [3] có bài viết giới thiệu những điểm mới về chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong BLTTDS 2015 so với BLTTDS năm 2004 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2011. Phạm vi

của bài viết này chỉ gói gọn trong việc giới thiệu các quy định mới của BLTTDS 2015 về chức năng, nhiệm vụ của VKSND so với BLTTDS 2004. Cho đến thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn chưa có công trình nghiên cứu độc lập nào đi sâu phân tích, đánh giá tính phù hợp các quy định mới của BLTTDS 2015 về công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án kinh doanh thương mại của VKSND. Trong điều kiện thực tế tại địa phương, với nguồn dữ liệu là các báo cáo hoạt động nghiệp vụ của TAND tỉnh Vĩnh Long và của VKSND tỉnh Vĩnh Long, hồ sơ giải quyết sơ thẩm các vụ án kinh doanh, thương mại của TAND hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long, hồ sơ kiểm sát xét xử sơ thẩm của VKSND hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long, nhóm tác giả sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, đối chiếu để từ đó đưa ra kết luận đánh giá sự phù hợp giữa các quy định mới của BLTTDS 2015 với thực tiễn kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án kinh doanh, thương mại tại địa phương.

III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HAI CẤP TỈNH VĨNH LONG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Trong hai năm 2016 và 2017, VKSND hai cấp tỉnh Vĩnh Long thực hiện công tác kiểm sát việc giải quyết sơ thẩm các vụ án kinh doanh, thương mại theo quy định của BLTTDS 2015 đã đạt được những kết quả tích cực, đặc biệt là kháng nghị phúc thẩm, khắc phục được nhiều vi phạm pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo đảm cho việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại đúng pháp luật và kịp thời, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh.

Theo bảng số liệu thống kê, trong năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017, tỉ lệ tham gia xét xử sơ thẩm tại TAND tỉnh Vĩnh Long của VKSND tỉnh Vĩnh Long chiếm tỉ lệ 16,07%, số vụ án VKSND tỉnh Vĩnh Long kháng nghị phúc thẩm chiếm tỉ lệ 4,1% trong tổng số vụ án được Tòa án xét xử. Tuy nhiên, tỉ lệ số vụ có kháng nghị của VKSND tỉnh Vĩnh Long được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận là 100%. Điều này đã khẳng định vai trò của VKSND trong công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án kinh doanh, thương mại.

Bảng thống kê số liệu công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm án kinh doanh, thương mại tại VKSND tỉnh Vĩnh Long từ ngày 01/7/2016 đến ngày 30/6/2017 [4]–[7]

Số vụ án TAND tỉnh Vĩnh Long giải quyết	Số vụ án VKSND tỉnh Vĩnh Long tham gia xét xử sơ thẩm	Số vụ án VKSND tỉnh Vĩnh Long kháng nghị	Số vụ án VKSND tỉnh Vĩnh Long kháng nghị được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận
168 vụ	27 vụ	07 vụ	07 vụ

A. Thực trạng công tác kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện và ý kiến đề xuất

Sau hai năm thi hành BLTTDS năm 2015, công tác kiểm sát giải quyết sơ thẩm vụ việc kinh doanh, thương mại tại VKSND tỉnh Vĩnh Long đã có những kết quả nhất định. Cụ thể, trong công tác kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án, VKSND tỉnh Vĩnh Long đã nhận và giải quyết 18 thông báo về việc trả lại đơn khởi kiện của TAND hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long⁴. Trong số đó, có năm thông báo bị người khởi kiện khiếu nại lên Tòa án cấp trên trực tiếp. Cả 05 khiếu nại thông báo trả lại đơn khởi kiện đều không được Tòa án cấp trên chấp nhận vì Tòa án cấp sơ thẩm

trả đơn khởi kiện đúng quy định pháp luật⁵.

BLTTDS năm 2015 đã tiếp tục duy trì hành lang pháp lí để đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án. Khoản 2 Điều 192 BLTTDS năm 2015 quy định khi trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện, Thẩm phán phải có văn bản nêu rõ lí do trả lại đơn khởi kiện, đồng thời gửi cho Viện Kiểm sát cùng cấp. Theo quy định, Tòa án chỉ gửi thông báo trả lại đơn khởi kiện cho VKSND. Căn cứ vào lí do trả lại đơn khởi kiện được nêu trong thông báo trả lại đơn khởi kiện, VKSND tiến hành kiểm sát tính hợp pháp của việc trả lại đơn khởi kiện. Đây là công việc khả thi về lí thuyết, nhưng không khả thi về mặt thực tiễn. Bởi vì, để kiểm tra lí do trả lại đơn khởi kiện có đúng với thực tế hay không, nhằm bảo vệ một cách tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người làm đơn khởi kiện, kiểm sát viên phải trực tiếp nghiên cứu, xem xét đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ gửi kèm đơn khởi kiện mà Tòa án sao chụp và lưu giữ tại Tòa án. Chính vì vậy, sau khi nhận thông báo trả lại đơn khởi kiện, kiểm sát viên phải trực tiếp đến Tòa án để nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu lí do trả lại đơn khởi kiện nêu trong thông báo để xác định sự phù hợp với tài liệu trong hồ sơ Tòa án đang lưu giữ. Khoản 1, Điều 12, Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn về việc gửi văn bản trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu chỉ quy

⁴Thông báo số 137/TB-TA ngày 25/8/2016 của TAND thành phố Vĩnh Long về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 230/TB-TA ngày 14/10/2016 của TAND thành phố Vĩnh Long về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 12/TB-TA ngày 10/01/2017 của TAND thành phố Vĩnh Long về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 52/TB-TA ngày 28/3/2017 của TAND thành phố Vĩnh Long về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 129/TB-TA ngày 26/5/2017 của TAND thành phố Vĩnh Long về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 137/TB-TA ngày 16/11/2017 của TAND thành phố Vĩnh Long về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 95/TB-TA ngày 31/10/2016 của TAND huyện Long Hồ về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 06/TB-TA ngày 18/01/2017 của TAND huyện Long Hồ về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 55/TB-TA ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 121/TB-TA ngày 19/12/2016 của TAND thị xã Bình Minh về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 75/TB-TA ngày 25/10/2017 của TAND thị xã Bình Minh về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 86/TB-TA ngày 16/8/2017 của TAND huyện Trà Ôn về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 72/TB ngày 03/8/2017 của TAND huyện Mang Thít về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 82/TB-TA ngày 10/11/2017 của TAND huyện Tam Bình về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 158/TB-TA ngày 25/12/2016 của TAND huyện Bình Tân về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 159/TB-TA ngày 25/12/2016 của TAND huyện Bình Tân về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 265/TB-TA ngày 03/8/2016 của TAND tỉnh Vĩnh Long về việc trả lại đơn khởi kiện; Thông báo số 315/TB-TA ngày 30/11/2016 của TAND tỉnh Vĩnh Long về việc trả lại đơn khởi kiện.

⁵Quyết định số 01/2017/QĐ-GQKN ngày 26/01/2017 của Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long về việc giữ nguyên trả lại đơn khởi kiện; Quyết định số 15/2017/QĐ-GQKN ngày 06/02/2017 của Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long về việc giữ nguyên trả lại đơn khởi kiện; Quyết định số 16/2017/QĐ-GQKN ngày 06/02/2017 của Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long về việc giữ nguyên trả lại đơn khởi kiện; Quyết định số 92/2017/QĐ-GQKN ngày 10/5/2017 của Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long về việc giữ nguyên trả lại đơn khởi kiện; Quyết định số 16/2017/QĐ-GQKN ngày 03/11/2017 của Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long về việc giữ nguyên trả lại đơn khởi kiện.

định chung là: “Việc gửi văn bản trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu cho Viện Kiểm sát cùng cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 192, Khoản 2 Điều 364 BLTTDS được thực hiện theo từng vụ, việc”⁶. Chưa có quy định mang tính hướng dẫn cụ thể.

Ý kiến đề xuất: Quy định về việc Tòa án chỉ phải gửi mỗi văn bản thông báo trả lại đơn khởi kiện cho VKSND cùng cấp, qua thực tiễn hoạt động giữa hai cơ quan Tòa án và Viện Kiểm sát, theo ý kiến của nhóm tác giả, là chưa phù hợp, chưa góp phần thiết lập cơ chế kiểm sát tối ưu từ VKSND nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người làm đơn khởi kiện và bị Tòa án trả lại đơn. Trường hợp Thẩm phán Tòa án nhận định sai lý do trả lại đơn khởi kiện, đồng thời người khởi kiện không có sự trợ giúp pháp luật cần thiết, cơ chế kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện là công cụ cần thiết để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Vì vậy, theo ý kiến của nhóm tác giả, Khoản 1 Điều 12 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm sát tuân theo pháp luật trong lĩnh vực kiểm sát hoạt động trả lại đơn khởi kiện cần bổ sung nội dung: khi gửi thông báo trả lại đơn khởi kiện cho VKSND cùng cấp, Tòa án cần gửi kèm với bản sao đơn khởi kiện của đương sự và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn kiện cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập được để VKSND kiểm sát việc trả lại đơn khởi kiện. Song song đó, VKSNDTC trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình cần ban hành quy chế kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm sát hoạt động trả lại đơn khởi kiện của kiểm sát viên, kiểm tra viên.

B. Thực trạng công tác kiểm sát thụ lý vụ án kinh doanh, thương mại của Tòa án và ý kiến đề xuất

Thụ lý vụ án kinh doanh, thương mại đúng tính chất vụ việc, đúng thẩm quyền xét xử luôn là vấn đề được đặc biệt quan tâm trong hoạt động tư pháp của Tòa án. Phân định tranh chấp kinh

doanh, thương mại với tranh chấp dân sự thuộc quyền quyết định của Tòa án. Khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015 quy định tranh chấp về kinh doanh, thương mại là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng kí kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”. Tại Điểm b, Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần I của Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 có nêu: “Tòa kinh tế có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết các tranh chấp và các yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại Điều 29 và Điều 30 của BLTTDS; các tranh chấp về kinh doanh, thương mại mà một hoặc các bên không có đăng kí kinh doanh, nhưng đều có mục đích lợi nhuận”. TAND hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long đã áp dụng Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để phân định tranh chấp về dân sự và tranh chấp về kinh doanh, thương mại. Theo đó, nếu tất cả các tranh chấp phát sinh chỉ cần thỏa mãn điều kiện là đều có mục đích lợi nhuận thì Tòa án thụ lý loại vụ việc kinh doanh, thương mại, mà không xét đến điều kiện chủ thể có là chủ thể kinh doanh hay không. Nếu việc xác định tranh chấp phát sinh giữa các bên đều có mục đích lợi nhuận thì nó được xem là tranh chấp kinh doanh, thương mại, có ảnh hưởng đến sự áp dụng thống nhất quy định pháp luật, và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của đương sự trong vụ án. Nhóm tác giả dẫn chứng một vụ việc cụ thể: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam cho cá nhân, hộ gia đình khó khăn vay vốn sản xuất. Do người vay không trả được vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã kí, Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án. Tòa án thụ lý vụ án và xác định là loại tranh chấp kinh doanh, thương mại vì các bên đều có mục đích lợi nhuận. Khi giải quyết, Tòa án căn cứ vào pháp luật nội dung về kinh doanh, thương mại để xét xử, bao gồm cả nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm vụ án kinh doanh, thương mại. Dẫn đến việc, bị đơn vay 5.000.000 đồng để mua con giống chăn nuôi, với lãi suất đã được Nhà nước hỗ trợ một phần là 5%/năm, vay trong thời hạn 12 tháng. Do điều kiện khách quan nên việc chăn nuôi bị thất bại, người vay không có khả năng trả nợ. Khi Ngân hàng khởi kiện, ngoài

⁶Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao và Tòa án Nhân dân Tối cao quy định việc phối hợp giữa Viện Kiểm sát Nhân dân và Tòa án Nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

việc bị buộc phải trả vốn vay, lãi vay, bị đơn phải chịu án phí vụ án kinh doanh, thương mại là 3.000.000 đồng⁷. Trong vụ án này, nếu như Tòa án xác định và thụ lí loại tranh chấp dân sự thì bị đơn chỉ phải chịu án phí dân sự theo quy định là 300.000 đồng [Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội]. Từ thực tế trên, qua phân tích quy định của pháp luật, nhóm tác giả thấy rằng đương sự trong quan hệ tranh chấp nêu trên vừa không đảm bảo về chủ thể phải có đăng kí hộ kinh doanh, vừa không thỏa mãn về tiêu chí lợi nhuận. Tòa án cấp huyện tại tỉnh Vĩnh Long áp dụng Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP xác định tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa một bên là Ngân hàng Chính sách Xã hội với một bên hộ gia đình nghèo là tranh chấp kinh doanh, thương mại là không đúng với tinh thần quy định tại Khoản 1, Điều 30, BLTTDS năm 2015 “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng kí kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”. VKSND tỉnh Vĩnh Long đã có văn bản kiến nghị đối với ngành Tòa án tỉnh Vĩnh Long về nội dung này. Tuy nhiên, Tòa án vận dụng quy định tại Nghị quyết 01/2005/NQ-HĐTP không chấp nhận kiến nghị của Viện Kiểm sát, và thực tế hiện nay, Tòa án hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long vẫn xác định quan hệ tranh chấp nêu trên là loại tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa kinh tế.

Ý kiến đề xuất: Theo ý kiến của nhóm tác giả, VKSNDTC và TANDTC cần phối hợp ban hành quy định cụ thể hướng dẫn Tòa án địa phương thụ lí vụ việc dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa dân sự trong trường hợp cụ thể này. Vì hướng dẫn tại Điểm b, Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần I, Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005, về mặt lí luận đã vượt quá phạm vi quy định tại Điều 29 BLTTDS năm 2004, hiện nay là Khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015, và cũng không phù hợp với quan hệ xã hội thực tế.

⁷Bản án số 25/KDTM-ST ngày 08/6/2017 của Tòa án Nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

C. Thực trạng công tác kiểm sát hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án và ý kiến đề xuất

Thực tế công tác thực hiện quyền “yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự” theo quy định tại Khoản 3 Điều 58 BLTTDS năm 2015 của VKSND tỉnh Vĩnh Long cho thấy: trong hoạt động thu thập, xác minh chứng cứ của Thẩm phán, BLTTDS năm 2015 không quy định Thẩm phán phải thông báo cho VKSND cùng cấp biết. Do đó, giai đoạn trước khi Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Viện Kiểm sát không thể thực hiện được quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh tài liệu chứng cứ. Cụ thể: 1) Đối với những vụ án có Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: khi Thẩm phán chuyển hồ sơ vụ án cùng quyết định đưa vụ án ra xét xử cho VKSND, nếu kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ đánh giá tài liệu, chứng cứ chưa đảm bảo cho xét xử thì thực hiện quyền yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ. Nhưng, quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được Thẩm phán ấn định ngày giờ cụ thể mở phiên tòa, vậy nên, nếu như đến ngày xét xử mà Tòa án không thu thập, xác minh được chứng cứ theo yêu cầu của VKSND thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử, do không có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử hoãn hoặc tạm ngừng phiên tòa; 2) Đối với những vụ án Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm: VKSND chỉ tiến hành việc kiểm sát thông qua bản án, quyết định, mà không trực tiếp nghiên cứu hồ sơ vụ án nên không thể nào xác định được tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập đã đầy đủ hay chưa. Do vậy, quyền yêu cầu của kiểm sát viên về xác minh, thu thập chứng cứ là không thể thực hiện được trên thực tế.

Ý kiến đề xuất: Để bảo đảm công tác kiểm sát, hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án đạt hiệu quả cao, Khoản 3 Điều 58 BLTTDS năm 2015 cần bổ sung quy định theo hướng Tòa án phải thông báo cho VKSND cùng cấp biết kết quả thu thập chứng cứ theo yêu cầu của VKSND trước khi quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đối với quy định về kiểm sát viên có quyền yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Để thống nhất, phù hợp với các quy định khác của BLTTDS năm 2015,

Khoản 3 Điều 58 BLTTDS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung theo hướng không quy định kiểm sát viên yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, vì nội dung này BLTTDS năm 2015 đã có quy định cụ thể, chi tiết về quyền, nghĩa vụ của đương sự cung cấp chứng cứ cho Tòa án, theo đó, trách nhiệm cung cấp chứng cứ là thuộc về đương sự, và nếu đương sự không tự mình thu thập được thì BLTTDS năm 2015 cũng có quy định Tòa án sẽ hỗ trợ cho đương sự thu thập. Thay vào đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, các bên đương sự, BLTTDS năm 2015 cần có quy định về việc Viện Kiểm sát được quyền yêu cầu Tòa án hoặc tự mình thu thập tài liệu, chứng cứ để thực hiện quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án.

D. Thực trạng áp dụng quy định về văn bản phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm và ý kiến đề xuất

Văn bản phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là một văn bản pháp lí quan trọng của VKSND trong tố tụng dân sự, thể hiện quan điểm của VKSND trong toàn bộ quá trình thụ lí, xác minh, thu thập chứng cứ, xét xử của Tòa án. Thực tế, kiểm sát viên xây dựng dự thảo bản phát biểu trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, tùy vào tình hình diễn biến mà kiểm sát viên bổ sung, điều chỉnh nội dung bản phát biểu sao cho phù hợp với nội dung tranh chấp của đương sự. Thực tiễn kiểm sát xét xử tại VKSND tỉnh Vĩnh Long cho thấy, bản phát biểu của kiểm sát viên gần như là phải thay đổi, bổ sung hoàn toàn cho phù hợp với diễn biến tại phiên tòa. Trong điều kiện thực tế hiện nay, kiểm sát viên không thể nào hoàn thiện văn bản phát biểu ngay tại phiên tòa và gửi cho Tòa án ngay sau khi kết thúc phiên tòa để lưu vào hồ sơ vụ án theo quy định, vì kiểm sát viên cần phải có thời gian để hoàn thiện văn bản về mặt kĩ thuật như chỉnh sửa câu chữ, in ấn. Về nội dung, kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa đã được Thư kí Tòa án ghi vào biên bản phiên tòa. Hội đồng xét xử đã nhận định trong bản án và tuyên án. Bản phát biểu của kiểm sát viên gửi cho Tòa án chỉ nhằm mục đích để Tòa án lưu vào hồ sơ vụ án. Vì vậy, quy định kiểm sát viên phải

gửi ngay bài phát biểu cho Tòa án ngay sau khi kết thúc phiên tòa là không cần thiết, gây khó khăn về mặt kĩ thuật cho công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm của kiểm sát viên.

Ý kiến đề xuất: Điều 262 BLTTDS năm 2015 cần sửa đổi theo hướng: Nếu vụ án có nội dung đơn giản, thì ngay sau khi kết thúc phiên tòa kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa phải gửi ngay văn bản phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát cho Tòa án. Trường hợp vụ án có nội dung tranh chấp phức tạp, có nhiều mối quan hệ pháp luật, có sự thay đổi yêu cầu khởi kiện hoặc phát sinh nhiều tình tiết, chứng cứ mới đương sự cung cấp tại phiên tòa thì kiểm sát viên phải gửi văn bản phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát cho Tòa án trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên tòa.

E. Thực trạng công tác kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án và một số kiến nghị

Công tác kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án là một trong những hoạt động quan trọng của quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKSND trong tố tụng dân sự, là tiền đề cho kháng nghị, kiến nghị của VKSND. Trong tố tụng dân sự, có những loại quyết định của Tòa án, Viện Kiểm sát chỉ được quyền kiến nghị, có những loại quyết định là đối tượng kháng nghị, kiến nghị của Viện Kiểm sát. Ví dụ: quyết định chuyển vụ án cho Tòa án khác, quyết định nhập hoặc tách vụ án, các quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp khẩn cấp tạm thời, qua kiểm sát phát hiện có vi phạm pháp luật thì Viện Kiểm sát kiến nghị đối với Tòa án. Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, bản án sơ thẩm, tùy vào mức độ vi phạm pháp luật mà Viện Kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị; Đối với quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Viện Kiểm sát không kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm mà chỉ xem xét kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 212 BLTTDS năm 2015, TAND chỉ gửi cho VKSND quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà không gửi biên bản hòa giải thành kèm theo. Vì vậy, kiểm sát viên không thể kiểm sát được sự phù hợp về nội dung giữa biên bản hòa giải thành

với nội dung quyết định công nhận sự thỏa thuận. Thực tiễn cho thấy, không ít quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bị Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm tuyên hủy bỏ, nhưng khi thực hiện công tác kiểm sát thì kiểm sát viên không phát hiện được sự vi phạm của quyết định. Tại tỉnh Vĩnh Long, năm 2015 Tòa án tỉnh đã xét xử giám đốc thẩm hủy ba quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của TAND cấp huyện, năm 2016 giám đốc thẩm hủy năm quyết định công nhận sự thỏa thuận. Các quyết định bị giám đốc thẩm hủy chỉ bởi duy nhất một lí do: nội dung thỏa thuận của các đương sự tại biên bản hòa giải không đúng với nội dung thỏa thuận thể hiện tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về hiệu lực của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, chỉ có thể kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm [Điều 213 BLTTDS năm 2015]. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 331, Khoản 2 Điều 354 BLTTDS năm 2015, chỉ có Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND cấp cao mới có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

Qua hơn một năm thi hành BLTTDS 2015, VKSND hai cấp tại tỉnh Vĩnh Long hiện đang vướng mắc trong việc xác định thẩm quyền, trách nhiệm đề nghị VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cho đến thời điểm hiện nay, VKSNDTC chưa có văn bản hướng dẫn VKSND cấp tỉnh hay VKSND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo đề nghị VKSND cấp cao kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm nếu phát hiện quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có vi phạm pháp luật.

Ý kiến đề xuất: Để nâng cao chất lượng hoạt động kiểm sát đối với quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự, theo ý kiến của nhóm các tác giả, Khoản 1 Điều 212 BLTTDS 2015 cần phải bổ sung quy định: “Tòa án gửi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các

đương sự cùng với bản sao biên bản hòa giải thành cho Viện Kiểm sát cùng cấp”. Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 cũng cần phải bổ sung quy định: nếu Tòa án gửi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì gửi kèm theo bản sao biên bản hòa giải thành cho Viện Kiểm sát cùng cấp. Hiện nay, ngành kiểm sát nhân dân có bốn cấp kiểm sát. Thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện được BLTTDS 2015 giao cho Viện trưởng VKSND cấp cao, không giao quyền cho Viện trưởng VKSND cấp tỉnh như BLTTDS năm 2004. Vì vậy, khi VKSND cấp huyện, VKSND cấp tỉnh phát hiện bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì có văn bản báo cáo đề xuất Viện trưởng VKSND cấp cao có thẩm quyền kháng nghị. Để có cơ sở xác định trách nhiệm của từng cấp kiểm sát về báo cáo đề xuất kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, kiến nghị VKSND tối cao khi ban hành quy chế kiểm sát xét xử các vụ việc dân sự, cần quy định VKSND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng báo cáo đề xuất VKSND cấp cao thực hiện kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định do VKSND cấp huyện phát hiện có vi phạm, báo cáo của VKSND cấp tỉnh được thực hiện trên cơ sở đề xuất của VKSND cấp huyện và hồ sơ vụ án. Nếu như VKSND cấp tỉnh phát hiện vi phạm của bản án, quyết định của Tòa án cấp tỉnh thì VKSND cấp tỉnh trực tiếp đề xuất đến VKSND cấp cao xử lí.

F. Thực trạng áp dụng quy định của BLTTDS 2015 về quyền kháng nghị và một số kiến nghị

Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 57 BLTTDS 2015, Viện trưởng VKSND có nhiệm vụ và quyền hạn kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định của Tòa án. Như vậy, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không chỉ là quyền hạn mà còn là nhiệm vụ của Viện trưởng VKSND trong hoạt động tố tụng dân sự. Thực tế công tác kháng nghị bản án, quyết định sơ thẩm tại VKSND tỉnh Vĩnh Long cho thấy, quy định của BLTTDS về quyền quyết

định kháng nghị của VKSND cần được bổ sung ở nội dung sau: Điểm d Khoản 1 và Khoản 2 Điều 57 BLTTDS năm 2015 quy định chỉ có Viện trưởng VKSND mới có thẩm quyền quyết định kháng nghị là một quy định gây khó khăn cho công tác kháng nghị của VKSND. Bởi vì, thời hạn kháng nghị phúc thẩm đối với quyết định, bản án là rất ngắn, 07 ngày đối với quyết định và 15 ngày đối với bản án của Tòa án cùng cấp; 10 ngày đối với quyết định và 30 ngày đối với bản án của Tòa án cấp dưới. Trong khi đó, thời gian thực tế để thực hiện kháng nghị còn phụ thuộc vào thời điểm Tòa án chuyển bản án, quyết định cho Viện Kiểm sát [Điều 280 BLTTDS năm 2015]. Viện trưởng VKSND thường xuyên đi công tác xa, không có mặt tại đơn vị để kịp thời quyết định việc kháng nghị và kí quyết định kháng nghị. Để giải quyết khó khăn này, Điều 2 của Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 đã quy định Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng kí quyết định kháng nghị. Xét về giá trị thực tiễn, quy định này là hợp lí, Phó Viện trưởng khi kí quyết định kháng nghị là kí với tư cách “kí thay Viện trưởng”. Tuy nhiên, quyền quyết định việc có kháng nghị hay không vẫn chỉ thuộc Viện trưởng VKSND. Nếu kiểm sát viên không thể báo cáo Viện trưởng nội dung vụ án (Viện trưởng công tác xa) để Viện trưởng quyết định việc kháng nghị, thì Phó Viện trưởng không thể quyết định việc kháng nghị và kí quyết định kháng nghị với tư cách “kí thay Viện trưởng”. Ý kiến đề xuất: Theo quy định tại Điểm d Khoản 1 và Khoản 2 Điều 57 BLTTDS năm 2015, chỉ có Viện trưởng VKSND mới có thẩm quyền quyết định việc kháng nghị và kí Quyết định kháng nghị. Trường hợp Viện trưởng vắng (công tác nước ngoài, bệnh tật...), Điều 2 của Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 quy định cho phép Phó Viện trưởng được Viện trưởng phân công kí quyết định kháng nghị, quyết định kháng nghị do Phó Viện trưởng kí phải ghi rõ là “kí thay Viện trưởng”. Theo quy định, quyền quyết định việc kháng nghị vẫn chỉ thuộc Viện trưởng VKSND. Để bảo đảm quyết định kháng nghị của VKSND được kịp thời, không quá hạn luật định, theo nhóm tác giả, Điểm d Khoản 1 và Khoản 2

Điều 57 BLTTDS 2015 cần sửa đổi theo hướng: Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng trong thời gian Viện trưởng vắng có quyền tự quyết định việc kháng nghị và kí quyết định kháng nghị.

IV. KẾT LUẬN

Hoạt động kiểm sát xét xử sơ thẩm án kinh doanh, thương mại của VKSND nhằm bảo đảm cho việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. BLTTDS năm 2015 đã tạo được cơ sở pháp lí để nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực tranh chấp kinh doanh, thương mại. Việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm sát trong tố tụng dân sự nói chung, trong giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại nói riêng là vấn đề quan trọng và yêu cầu tất yếu khách quan của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, góp phần thực hiện thành công chiến lược cải cách nền tư pháp quốc gia. Nhóm tác giả tập trung phân tích các quy định pháp luật - trọng tâm là BLTTDS năm 2015 về công tác kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh, thương mại tại VKSND tỉnh Vĩnh Long. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đối chiếu quy định của pháp luật với thực tiễn công tác kiểm sát, chúng tôi đã chỉ ra những hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kiểm sát. Trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay, việc nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lí luận, thực tiễn cũng như việc đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về kiểm sát hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh, thương mại là cần thiết. Do đó, việc nghiên cứu quy định pháp luật về hoạt động kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh, thương mại cần phải được tiếp tục đặt ra nghiên cứu để hoạt động này ngày càng hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phùng Thanh Hà. *Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kiểm sát Nhân dân trong tổ tụng dân sự Việt Nam* [Luận văn Thạc sĩ]. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội; 2014.
- [2] Trần Văn Nam. *Vai trò của Viện Kiểm sát Nhân dân trong tổ tụng dân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay* [Luận văn Thạc sĩ]. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội; 2012.
- [3] Nguyễn Thị Hồng Oanh. *Một số điểm mới về chức năng, nhiệm vụ của Viện Kiểm sát trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*; 2015. Trang thông tin điện tử của Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao. <http://www.vksndtc.gov.vn> [ngày truy cập: 5/10/2017].
- [4] Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 của TAND tỉnh Vĩnh Long*; 2016; tr. 4.
- [5] Tòa án Nhân dân tỉnh Vĩnh Long. *Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 2017 của TAND tỉnh Vĩnh Long*; 2017; tr. 2.
- [6] Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Vĩnh Long. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 của Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Vĩnh Long*; 2016; tr. 3.
- [7] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. *Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 2017 của Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh Vĩnh Long*; 2017; tr. 2.